

Số: /QĐ-UBND

Thanh Hoá, ngày tháng năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Cống Chéo, xã Minh Dân (nay là thị trấn Triệu Sơn), huyện Triệu Sơn của Công ty TNHH BT Triệu Sơn.

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 18/2015/NĐ-CP ngày 14/02/2015 của Chính phủ quy định về quy hoạch bảo vệ môi trường, đánh giá môi trường chiến lược, đánh giá tác động môi trường và kế hoạch bảo vệ môi trường;

Căn cứ Nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 25/2019/TT-BTNMT ngày 31/12/2019 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của nghị định số 40/2019/NĐ-CP ngày 13/5/2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành Luật Bảo vệ môi trường và quy hoạch quản lý hoạt động dịch vụ quan trắc môi trường;

Căn cứ Quyết định số 2209/QĐ-UBND ngày 10/6/2019 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc phê duyệt kết quả lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án Đường giao thông nối Tỉnh lộ 514 và Quốc lộ 47C, huyện Triệu Sơn theo hình thức đối tác công tư (hợp đồng BT);

Theo Quyết định số 8364/QĐ-UBND ngày 14/12/2018 của UBND huyện Triệu Sơn về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư mới Nam Cống Chéo, xã Minh Dân, huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa;

Theo Hợp đồng số 01/2019/HĐ-BT ngày 19/7/2019 giữa UBND huyện Triệu Sơn với Liên danh Công ty CP Xây dựng Tiến Đạt - Công ty CP Việt Thanh về việc Xây dựng - Chuyển giao (Hợp đồng dự án) Dự án Đường giao thông nối Đường giao thông nối TL514 và QL 47C, huyện Triệu Sơn; Văn bản cho phép doanh nghiệp dự án thực hiện hợp đồng số 01/2019/HĐ-BT, ngày 10 tháng 2 năm 2020 giữa UBND huyện Triệu Sơn và Liên danh Công ty CP Xây dựng Tiến Đạt - Công ty CP Việt Thanh và doanh nghiệp dự án: Công ty TNHH BT Triệu Sơn;

Xét đề nghị của Chủ tịch Hội đồng thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường (ĐTM) của Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Cống Chéo, xã Minh Dân (nay là thị trấn Triệu Sơn), huyện

Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa tại biên bản hội nghị thẩm định báo cáo ĐTM họp ngày 27/8/2020; nội dung Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án nêu trên đã được chỉnh sửa, bổ sung gửi kèm Văn bản số 02/CV-CTBT ngày 30/9/2020 của Công ty TNHH BT Triệu Sơn;

Theo đề nghị của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 1047/Tr-STNMT ngày 16/10/2020.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Công Chéo của Công ty TNHH BT Triệu Sơn (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Minh Dân (nay là thị trấn Triệu Sơn), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa với các nội dung chính tại Phụ lục kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm:

1. Lập và gửi kế hoạch quản lý môi trường của dự án để niêm yết công khai theo quy định của pháp luật.
2. Thực hiện nghiêm túc nội dung báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này.

Điều 3. Quyết định phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án là căn cứ để cơ quan nhà nước có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các yêu cầu bảo vệ môi trường của dự án.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký

Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Chủ tịch UBND huyện Triệu Sơn, Giám đốc Công ty TNHH BT Triệu Sơn và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4 QĐ;
- Bộ TN&MT (để báo cáo);
- Sở TN&MT (10 bản);
- Các ngành có liên quan;
- Lưu: VT, Pg NN.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Đức Quyền

Phụ lục
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam
Cổng Chéo, xã Minh Dân (nay là thị trấn Triệu Sơn), huyện Triệu Sơn,
tỉnh Thanh Hóa

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2020 của
Chủ tịch UBND tỉnh)

1. Thông tin chung dự án:

Dự án đầu tư xây dựng công trình hạ tầng kỹ thuật khu dân cư mới Nam Cổng Chéo, xã Minh Dân (nay là thị trấn Triệu Sơn), huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hóa.

- *Chủ dự án:* Công ty TNHH BT Triệu Sơn
- + Người đại diện: Cao Tuấn Hoàn
- + Chức vụ: Giám đốc
- + Địa chỉ: Lô 7, KCN Tây Bắc Ga, phường Đông Cương giai đoạn 2, thành phố Thanh Hoá, tỉnh Thanh Hoá.

- *Phạm vi, quy mô, công suất dự án:*

+ Tổng diện tích khu đất thực hiện dự án theo quy hoạch là 61.475,43 m²; quy mô sử dụng đất như sau: đất ở dân cư mới chia lô: 34.029,30 m²; đất thương mại, dịch vụ: 4.687,6 m² (đã được UBND tỉnh chấp thuận cho Công ty TNHH TM Tổng hợp Tân Sơn sử dụng); đất công cộng: 879,20 m²; đất khuôn viên cây xanh: 3.712,30 m²; đất giao thông: 18.166,84 m².

+ Các hạng mục xây dựng gồm: San nền (không bao gồm 4.687,6 m² diện tích đất thương mại, tổng hợp); xây dựng hệ thống đường giao thông, cây xanh; hệ thống cấp nước, phòng cháy chữa cháy; hệ thống thoát nước mưa, thoát nước thải; hệ thống cấp điện.

2. Các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh từ dự án:

2.1. Giai đoạn xây dựng:

2.1.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ công nhân khoảng 5,5 m³/ngày (nước thải nhà vệ sinh khoảng 2,45m³/ngày; nước thải tắm rửa khoảng 2,75m³/ngày; nước thải từ quá trình ăn uống 0,3 m³/ngày). Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, dầu mỡ, Coliforms,...

- Nước thải xây dựng phát sinh khoảng 8m³/ngày. Thành phần chủ yếu: chất rắn lơ lửng, dầu mỡ,...

2.1.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

- Bụi, khí thải phát sinh trong quá trình đào đắp; phương tiện thi công; phương tiện vận chuyển; trút đổ nguyên vật liệu; san gạt mặt bằng,... Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO,...

2.1.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh khoảng 55kg/ngày. Thành phần chủ yếu: thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilong, vỏ chai nhựa, vỏ hộp...

- Chất thải xây dựng gồm: đất bóc hữu cơ, bùn nạo vét khoảng 29.854,0 m³; vật liệu rời rơi vãi (cát, đất, bê tông, đá,...) có tổng khối lượng khoảng 2.035,9 tấn; vật liệu khác (bao bì xi măng, vụn sắt thép, gỗ ván hỏng,...) có tổng khối lượng khoảng 23,8 tấn.

2.1.4. Quy mô, tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động thi công xây dựng: bao gồm chất thải rắn nguy hại khoảng 10,0 kg/tháng; chất thải lỏng nguy hại khoảng 11,0 lít/tháng. Thành phần chủ yếu: dầu máy, giẻ lau chùi máy móc, vỏ chai đựng dầu nhớt, pin, ắc quy, nhựa,...

2.2. Giai đoạn vận hành:

2.2.1. Quy mô, tính chất của nước thải:

Nước thải sinh hoạt phát sinh từ khu dân cư thuộc dự án là 172,8 m³/ngày.đêm (nước thải nhà vệ sinh: 51,8 m³/ngày.đêm; nước thải tắm giặt: 69,1 m³/ngày.đêm; nước thải nhà ăn: 51,8 m³/ngày.đêm); chủ yếu chứa thành phần: chất rắn lơ lửng, các hợp chất hữu cơ, Coliform,...

2.2.2. Quy mô, tính chất của bụi, khí thải:

Bụi, khí thải phát sinh từ dự án chủ yếu là bụi, khí thải phát sinh do phương tiện ra vào dự án; hoạt động xây dựng của các nhà đầu tư thành viên; hoạt động xây dựng nhà ở và sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư; hoạt động của hệ thống xử lý nước thải tập trung. Thành phần chủ yếu: bụi, SO₂, NO_x, CO, NH₃, H₂S,...

2.2.3. Quy mô, tính chất của chất thải rắn thông thường:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ dự án khoảng 1.440,0 kg/ngày. Lượng rác thải này chủ yếu là thức ăn thừa, túi nilon, giấy, bìa catton, nilon, vỏ chai nhựa, vỏ hộp,...

- Ngoài ra, còn có chất thải rắn xây dựng phát sinh từ quá trình xây dựng của các nhà đầu tư thành viên và chất rắn từ hoạt động vệ sinh môi trường (bùn cặn từ hệ thống thu gom và xử lý nước thải, rãnh thoát nước mưa, nước thải).

2.2.4. Quy mô tính chất của chất thải nguy hại:

Chất thải nguy hại phát sinh chủ yếu từ hoạt động sinh hoạt của các hộ dân trong khu dân cư gồm: pin, ắc quy, sơn, bóng đèn neon, ,.... với khối lượng khoảng 14,4 kg/ngày.

3. Các công trình và biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

3.1. Giai đoạn xây dựng

3.1.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp thu gom, xử lý nước thải sinh hoạt:*

- Đối với nước thải từ quá trình tắm rửa, giặt giũ, vệ sinh tay chân thu gom tập trung về hố lắng có thể tích 03m³ (kích thước: dài x rộng x sâu: 2m x 1,5m x 1m, kết cấu bằng đá hộc bao xung quanh) để loại bỏ chất rắn lơ lửng, nước thải sau lắng sẽ được thoát ra mương thoát nước khu lán trại.

- Đối với nước thải nhà vệ sinh được thu gom, xử lý bằng 05 nhà vệ sinh di động 02 buồng, 03 ngăn (kích thước: rộng 0,8m, dài 1,2m, cao 2,1m), định kỳ 2 ngày/lần, thuê đơn vị chức năng đến hút đưa đi xử lý theo quy định.

- Đối với nước thải nhà bếp thu gom về 01 hố lắng, thể tích 01 m³ (dài x rộng x cao = 1m x 1m x 1m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm để loại bỏ chất rắn lơ lửng và dầu mỡ; váng dầu mỡ được thu gom, xử lý cùng chất thải sinh hoạt.

** Biện pháp giảm thiểu tác động do nước thải xây dựng*

Nước thải xây dựng được thu gom về hố lắng tạm, thể tích 5 m³ (kích thước D x R x H = 2,5x2,0x1,0m) được lót vải địa kỹ thuật (HDPE) ở đáy và thành để chống thấm tại khu vực lán trại trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung của khu vực.

3.1.2. Về bụi, khí thải:

- Trang bị đầy đủ bảo hộ lao động; phun nước giảm thiểu bụi đất, cát trong quá trình thi công dự án với tần suất phun tưới nước 04 lần/ngày và có thể tăng nếu phát sinh nhiều bụi; bố trí công nhân quét dọn đất, cát vương vãi từ khu vực dự án ra tuyến đường vận chuyển gần dự án với phạm vi 500 m về hai phía.

- Các xe vận chuyển vật liệu được che phủ kín bạt; thực hiện rửa bánh xe trước và sau khi ra vào công trường; sử dụng rào tôn xung quanh phần diện tích đất thi công xây dựng phân cách với khu vực đường tỉnh lộ 514 và khu vực dân cư lân cận.

3.1.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn sinh hoạt*

Trang bị 02 thùng nhựa composite (dung tích 50 lít/thùng); đặt tại khu vực lán trại công nhân để thu gom CTR phát sinh từ sinh hoạt của công nhân; hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 ngày/lần.

** Biện pháp giảm thiểu chất thải rắn xây dựng*

- Bùn đất đào hữu cơ, vận chuyển đổ thải tại bãi thải có diện tích 5 ha và dung tích lớn nhất là 200.000m³.

- Thảm phủ thực vật và một số chất thải rắn không tái chế được được hợp đồng với đơn vị có chức năng đến vận chuyển và đưa đi xử lý tại theo quy định.

- Chất thải rắn như: đất, đá thải, gạch, ... được tận dụng làm vật liệu san lấp mặt bằng tại các dự án khác trong khu vực.

- Chất thải rắn như bìa cát tông, các mẫu sắt thừa,... được thu gom hàng ngày và bán cho các cơ sở thu mua phế liệu trên địa bàn.

3.1.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại:

- Chất thải nguy hại phát sinh từ quá trình thi công: Trang bị 02 thùng chứa (dung tích 200 lít/thùng) để chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định; lưu trữ tạm tại góc trong khu lán

trại; định kỳ 01 lần/quá trình thi công, hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom xử lý.

3.2. Giai đoạn vận hành

3.2.1. Về thu gom và xử lý nước thải:

** Các biện pháp giảm thiểu ô nhiễm do nước thải:*

- Đối với chủ đầu tư:

+ Khơi thông, nạo vét hệ thống mương, cống tròn BTCT thu gom nước thải cho toàn bộ khu vực dự án có đường kính từ D200-300mm với tổng chiều dài 2.518,0 m.

+ Đấu nối toàn bộ nước mưa, nước thải phát sinh từ các hộ dân về hệ thống thoát nước mưa, nước thải của dự án.

+ Vận hành thường xuyên, liên tục, đúng quy trình kỹ thuật hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày đêm đặt tại phía Nam của dự án, gần điểm đấu nối thoát nước thải ra mương thoát nước chung của khu vực. Sơ đồ công nghệ xử lý như sau:

Nước thải → bể điều hòa → bể Anoxic → bể Aerotank → Bể lắng → Bể khử trùng → Nguồn tiếp nhận.

Nước thải sau xử lý đạt QCVN 14:2008/BTNMT, cột B - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt trước khi thải ra hệ thống thoát nước chung khu vực.

- Đối với các hộ gia đình:

+ Xây dựng bể tự hoại 03 ngăn để thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ nhà vệ sinh.

+ Đấu nối toàn bộ nước thải (sau bể tự hoại) về hệ thống cống thoát nước thải chung trước khi dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung, công suất 150 m³/ngày đêm của dự án để tiếp tục xử lý trước khi thải ra môi trường.

3.2.2. Về bụi, khí thải:

- Đối với Chủ đầu tư:

+ Thường xuyên nạo vét, khơi thông hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải khu vực dự án nhằm giảm thiểu mùi, khí thải phát sinh.

+ Hợp đồng với đơn vị có chức năng thường xuyên quét dọn các tuyến đường trong khu vực dự án nhằm giảm thiểu bụi bay bốc theo bánh xe.

- Đối với các hộ dân: Khuyến cáo dùng quạt hút mùi từ nhà bếp; sử dụng các nhiên liệu sạch như gas, thiết bị dùng điện,... thay thế cho nhiên liệu hóa thạch,...

3.2.3. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

- Đối với Chủ đầu tư:

+ Cung cấp các văn bản pháp lý liên quan và giới thiệu dịch vụ thu gom và xử lý chất thải rắn sinh hoạt, chất thải nguy hại cho các hộ gia đình.

+ Đối với bùn cặn phát sinh từ các hồ gas, hệ thống thu gom nước mưa,

nước thải, chủ đầu tư sẽ hợp đồng với đơn vị có chức năng để nạo hút với tần suất 6 tháng/lần.

+ Bố trí 01 khu vực tập kết chất thải rắn tập trung tại khu vực cây xanh (diện tích 100 m²); có rãnh thu gom nước mưa bề mặt dẫn về hệ thống thu gom nước thải chung của dự án. Chất thải rắn được hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, xử lý với tần suất 01 lần/ngày.

- Đối với các hộ dân: thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải rắn đúng nơi quy định/đúng theo hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt; tuyệt đối không được vứt bừa bãi ra vỉa hè, lòng đường.

3.2.4. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn nguy hại:

- Chủ đầu tư bố trí 02 thùng (dung tích 0,2 m³/thùng) chứa chất thải lỏng và rắn nguy hại riêng biệt, có dán nhãn mác, nắp đậy theo đúng quy định đặt tại khu tập kết chất thải nguy hại, diện tích 50m² bên cạnh khu tập kết CTR thông thường; hợp đồng với đơn vị có chức năng, thu gom, xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định với tần suất 06 tháng/lần.

- Các hộ dân: Thu gom, lưu giữ và tập kết chất thải nguy hại đúng nơi quy định/đúng theo hồ sơ, thủ tục về môi trường đã được phê duyệt; không được để lẫn lộn cùng rác thải sinh hoạt.

4. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án

4.1. Giám sát khí thải trong quá trình xây dựng

- Tần suất giám sát: 03 tháng/1 lần
- Chỉ tiêu giám sát: vi khí hậu, tiếng ồn, bụi, SO₂, NO₂, CO.
- Vị trí giám sát: 02 vị trí
- + Tại trung tâm khu vực thi công dự án
- + Tại tuyến đường vận chuyển vào công trường
- Quy chuẩn áp dụng:
- + QCVN 05:2013/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.
- + QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn: Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc.
- + QCVN 26:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về vi khí hậu: Mức tiếp xúc cho phép vi khí hậu tại nơi làm việc.
- + QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi - giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

4.2. Giám sát nước thải trong quá trình hoạt động

- Tần suất giám sát: 03 tháng/lần
- Chỉ tiêu giám sát: pH, SS, BOD₅, dầu mỡ khoáng, NH₄⁺ theo N, Coliform.
- Vị trí giám sát: 01 mẫu nước thải sau hệ thống xử lý ra môi trường.

- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 14:2008/BTNMT (Cột B) - Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng nước thải sinh hoạt./.